TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YK-TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 23/2017/HNGĐ-ST
Ngày 14/9/2017
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YK-TỈNH NINH BÌNH
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Cương.
- Bà Phạm Thị Kim Thành.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Kim Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YK tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thanh Diện, Kiểm sát viên

Ngày 14/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YK, tỉnh Ninh Bình; xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 92/2017/TLST-HNGĐ ngày 18/7/2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2017/QĐXX-ST ngày 23/8/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn S sinh năm 1972; địa chỉ xóm 3, xã T, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Đỗ T sinh năm 1969; địa chỉ xóm 3, xã T, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 13/7/2017 được bổ sung tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 26/7/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn là chị S trình bày: Chị S và anh T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 1993, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T rượu chè, không có trách nhiệm với gia đình, lại còn thường xuyên chửi bới đánh đập chị S, hiện tại vợ chồng sống ly thân nhau nửa năm nay. Do vậy, chị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị S được ly hôn với anh T. Về con chung, vợ chồng có hai con chung là các cháu Đỗ P sinh ngày 20/10/1993 và cháu Đỗ N sinh ngày 03/02/2001; nếu ly hôn do cháu P đã trưởng thành nên chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu N chị S đề nghị được trực tiếp nuôi đưỡng giáo dục cho đến khi cháu N trưởng thành và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị S mỗi tháng là 700.000 đồng, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 10/2017 cho đến khi cháu N trưởng thành. Về tài sản chung, vợ chồng không có tài sản chung và vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Tại bản tự khai ngày 21/8/2017 cũng như tại phiên tòa bị đơn là anh T trình bày: Anh Tài kết hôn với chị S vào năm 1993, do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Cuộc sống vợ chồng bình thường, từ năm 2016 cho đến nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do sích mích nhau trong công việc gia đình, anh T có chửi mắng và có đánh chị S, sau đó chị S đã tự ý bỏ nhà ra ở riêng; anh T đã làm đơn xin ly hôn chị S, nhưng vì gia đình và vì con cái nên anh T đã rút đơn khởi kiện; nay anh T muốn đoàn tụ gia đình nên anh T không đồng ý ly hôn với chị S. Về con chung, vợ chồng có hai con chung là các cháu Đỗ P sinh ngày 20/10/1993 cháu P đã trưởng thành và đang làm ăn trong Miền Nam và cháu Đỗ N sinh ngày 03/02/2001; nếu ly hôn cháu P đã trưởng thành nên anh anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu N anh T đề nghị được nuôi cháu N và không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, vợ chồng không có tài sản chung và vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YK tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến đối với vụ án, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý đến trước khi xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật; nguyên đơn và bị đơn trong vụ án đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Xử cho chị S và anh T ly hôn, giao cháu N cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu N trưởng thành và buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị S mỗi tháng là 700.000 đồng thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 10/2017 cho đến khi cháu N trưởng thành; buộc chị S phải nôp 300.000 đồng án phí ly hôn và anh T phải nộp 300.000 đồng án phí về việc cấp dưỡng nuôi con, để sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

Chị S khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp việc nuôi con đối với anh T, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì việc khởi kiện của chị S là đúng pháp luật. Theo bản sao sổ hộ khẩu gia đình và đơn xin xác nhận của chị S ngày 21/6/2017 có xác nhận của Công an xã T, thể hiện cả chị S và anh T đều có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại xóm 3, xã T, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện YK thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về yêu cầu ly hôn:

Về quan hệ hôn nhân: Theo chị S và anh T đều khai vợ chồng kết hôn với nhau là do hai bên tự nguyện, tại bản sao trích lục kết hôn của Ủy ban nhân dân xã T ngày 21/6/2017 thể hiện chị S và anh T đã đăng ký kết hôn ngày 12/01/1993. Như vậy, tại

thời điêm kết hôn anh T đã 24 tuổi và chị S đã 21 tuổi, theo quy định tại các Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, thì hôn nhân giữa chị S và anh T là hợp pháp.

Về lý do ly hôn: Theo chị S trình bày sau ngày cưới vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là anh T rượu chè, không có trách nhiệm với gia đình, lại còn thường xuyên chửi mắng và đánh đập chị S, hiện tại vợ chồng đang sống ly thân nhau. Theo anh T khai thì trong cuộc sống vợ chồng đã phát sinh mâu thẫn, nguyên nhân là do công việc gia đình, anh T có chửi mắng và có đánh chị S, sau đó chị S tự ý bỏ nhà ra ở riêng. Tại biên bản xác minh của Tòa án ngày 18/8/2017 đại diện Ủy ban nhân dân xã T cung cấp "Vợ chồng chị S và anh T mâu thuẫn đã kéo dài nhiều năm nay…" và tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 07/2017/QĐST-HNGĐ ngày 19/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện YK thể hiện "Ngày 25/5/2017 Tòa án nhân dân huyện YK đã thụ lý đơn khởi kiện xin ly hôn của anh T đối với chị S, đến ngày 19/6/2017 thì anh T có đơn xin rút đơn khởi kiện". Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị S, xử cho chị S và anh T ly hôn.

Về tranh chấp nuôi con: Theo lời khai của chị S và anh T, bản sao sổ hộ khẩu gia đình và bản sao giấy khai sinh, thì vợ chồng chị S và anh T có 02 con chung là các cháu Đỗ P sinh ngày 20/10/1993 và cháu Đỗ N sinh ngày 03/02/2001. Cả chị S và anh T cùng khai đối với cháu P nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn cháu N cả chị S và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Xét tại biên bản lấy lời khai của Tòa án ngày 18/8/2017 sau khi được hỏi cháu N trình bày "nếu bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ", tại biên bản xác minh của Tòa án ngày 18/8/2017 Hội phụ nữ xã T cũng có ý kiến "giao cháu N cho chị S chăm sóc thì tốt hơn". Do vậy Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị S, giao cháu N cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu N trưởng thành, anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị S mỗi tháng là 700.000 đồng, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 10/2017 cho đến khi cháu N trưởng thành.

Về tài sản chung: Cả chị S và anh T cùng trình bày vợ chồng không có tài sản chung và vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị S là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên chị S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đình kỳ, theo quyết định của Tòa án nên anh T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1 Về yêu cầu ly hôn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị S, cho chị Nguyễn S và anh Đỗ T ly hôn; quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh T chấm rứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2.2 Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn S, giao cháu Đỗ N sinh ngày 03/02/2001 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu N trưởng thành; anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị S mỗi tháng là 700.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2017 cho đến khi cháu N trưởng thành.

Kể từ ngày chị S có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị S, cho đến khi thi hành án xong, hằng tháng anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Anh T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu N được sống chung với chị S và anh T có quyền được thăm nom, chăm sóc cháu N; chị Sợi không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc hai cháu N.

2.3 Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc chị Nguyễn S phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiến tạm ứng án phí chị S đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lại thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0001706 ngày 18/7/2017 của Chị cục Thi hành án dân sự huyện YK, chị S đã nộp đủ án phí ly hôn.

- Buộc anh Đỗ T phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Đều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện YK
- Các đương sự
- UBND xã T
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Lực